TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2024.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Phạm Văn Huynh.
+ Ông Nguyễn Ngọc Nam.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm- Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trọng Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 730/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Kiều N, sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Khóm N, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.
Chỗ ở hiện nay: Tổ C, ấp P, phường M, Thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- *Bị đơn:* Anh Bùi Xuân H, sinh năm: 1983.
Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2023 và lời khai của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kiều N trình bày: Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2021 có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 25/02/2021, cả hai đều tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2022, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ, cải vã và anh H không lo làm ăn cũng không quan tâm gì đến gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng có bàn bạc đoàn tụ nhưng do tính cách vợ chồng không còn phù hợp nên không thể hàn

gắn tình cảm với nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Bị đơn anh Bùi Xuân H không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh H.

Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H nhưng anh H không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Thị Kiều N. Cư trú tại: Khóm N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau. Anh Bùi Xuân H. Cư trú tại: xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Chị N có đơn tranh chấp ly hôn với anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kiều N và anh Bùi Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/02/2021 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, chị N và anh H có những bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ, cải vã anh H không lo làm ăn cũng không quan tâm gì đến gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn

gắn được. Nhận thấy, điều kiện để chị N và anh H đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị N trình bày giữa chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung. Giai đoạn tố tụng anh H vắng mặt và không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[7] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Huỳnh Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kiều N đối với anh Bùi Xuân H về việc "Tranh chấp ly hôn".

Cho chị Huỳnh Thị Kiều N được ly hôn anh Bùi Xuân H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2- Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0002280 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. (Đã nộp xong)

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (4).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
Phạm Văn Huynh Nguyễn Ngọc Nam	**Nguyễn Tấn Cảnh**